

NGHỊ QUYẾT

Về quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện và cấp xã; thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp và quy định các biểu mẫu phục vụ công tác lập báo cáo của Ủy ban nhân dân các cấp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHOÁ IX, KỶ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Xét Tờ trình số 4862/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện và cấp xã; thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp và quy định các biểu mẫu phục vụ công tác lập báo cáo của Ủy ban nhân dân các cấp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp các báo cáo: kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; đồng thời quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã.

2. Nghị quyết quy định biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp trên đảm bảo lập các báo cáo tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách, thời gian gửi báo cáo của Ủy ban nhân dân các cấp cho Hội đồng nhân dân các cấp

1. Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã phê chuẩn quyết toán ngân sách năm trước của địa phương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân giữa năm sau.

2. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp.

a) Cấp thành phố

- Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra và cho ý kiến: chậm nhất là ngày 18 tháng 11 năm sau.

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo.

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân thành phố, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm sau.

b) Cấp huyện và cấp xã

- Thời gian Ủy ban nhân dân gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo.

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

3. Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố.

a) Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo đến các ban

của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 18 tháng 11 năm thứ 5 của giai đoạn trước.

b) Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo.

c) Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân thành phố, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân cuối năm thứ 5 của giai đoạn trước.

4. Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố.

a) Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 26 tháng 10 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

b) Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo.

c) Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân thành phố, chậm nhất ngày 09 tháng 11 năm thứ 5 của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Thời gian Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm địa phương và Ủy ban nhân dân các cấp gửi dự toán, phân bổ ngân sách địa phương đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp.

a) Cấp thành phố

- Thời gian Ủy ban nhân dân gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 18 tháng 11 hằng năm.

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo.

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

b) Cấp huyện

- Thời gian Ủy ban nhân dân gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân để thẩm tra và cho ý kiến: chậm nhất là ngày 11 tháng 12 năm hằng năm.

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo.

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

c) Cấp xã

- Thời gian Ủy ban nhân dân gửi báo cáo đến các ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân để thẩm tra và cho ý kiến, chậm nhất là ngày 21 tháng 12 hằng năm.

- Thời gian Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến đối với các báo cáo của Ủy ban nhân dân chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo.

- Thời gian gửi các báo cáo chính thức đến Hội đồng nhân dân phường, xã, chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

6. Thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới.

a) Cấp thành phố: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

b) Cấp huyện: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận, huyện thông qua.

c) Cấp xã: Trước ngày 31 tháng 12 của năm hiện hành.

Điều 3. Quy định biểu mẫu

Biểu mẫu các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp trên phục vụ công tác lập báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương theo phụ lục chi tiết đính kèm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong trường hợp phát sinh các biểu mẫu khác theo quy định của Trung ương, giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2017.
2. Đối với lập, thẩm tra, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2016, áp dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Anh

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục

QUY ĐỊNH BIỂU MẪU PHỤC VỤ LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM ĐỊA PHƯƠNG, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM ĐỊA PHƯƠNG, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM ĐỊA PHƯƠNG, DỰ TOÁN, PHÂN BỐ NGÂN SÁCH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Biểu mẫu	Nội dung	Cơ quan báo cáo và nhận báo cáo	Ghi chú
1	Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương		
Biểu mẫu số 01	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn...	Dùng cho Cục Thống kê, Cục Hải quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và một số đơn vị có liên quan cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố	
Biểu mẫu số 02	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 05 năm...	- Dùng cho UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính và UBND cấp trên; - Dùng cho Cục Thuế, Cục Hải quan cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố	
2	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương		
Biểu mẫu số 03	Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm...		
Biểu mẫu số 04	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương giai đoạn 05 năm...		
Biểu mẫu số 05	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước giai đoạn 05 năm...	Dùng cho các đơn vị và UBND cấp dưới báo cáo cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính và UBND cấp trên	
Biểu mẫu số 06	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) giai đoạn 05 năm...		
3	Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương		
Biểu mẫu số 07	Dự kiến cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...	Dùng cho UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính và UBND cấp trên	Vận dụng các biểu mẫu số 01 đến biểu mẫu số 11 tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ

Biểu mẫu số 08	Dự kiến thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm...	- Dùng cho UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính và UBND cấp trên; - Dùng cho Cục Thuế, Cục Hải quan cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố	
Biểu mẫu số 09	Dự kiến cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện giai đoạn 03 năm...	Dùng cho UBND quận, huyện cung cấp số liệu cho Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố	
Biểu mẫu số 10	Dự kiến chi ngân sách cấp tỉnh theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm...	Dùng cho Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố	
Biểu mẫu số 11	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...	- Dùng cho UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư và UBND cấp trên; - Dùng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính	
4	Một số biểu mẫu bổ sung phục vụ báo cáo kế hoạch 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm		Đính kèm
Biểu mẫu số 12	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí giai đoạn năm ...	- Dùng cho các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan thuế, cơ quan tài chính và UBND cùng cấp; - UBND cấp dưới cung cấp số liệu cho Cục Thuế, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố	
Biểu mẫu số 13	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể giai đoạn năm...		
Biểu mẫu số 14	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề giai đoạn năm...		
Biểu mẫu số 15	Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình giai đoạn năm...		
Biểu mẫu số 16	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ giai đoạn năm ...		
Biểu mẫu số 17	Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa thông tin giai đoạn năm...		
Biểu mẫu số 18	Cơ sở tính chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn giai đoạn năm...	- Dùng cho các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan tài chính và UBND cùng cấp; - UBND cấp dưới cung cấp số liệu cho Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố	
Biểu mẫu số 19	Cơ sở tính chi sự nghiệp thể dục thể thao giai đoạn năm...		
Biểu mẫu số 20	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường giai đoạn năm...		
Biểu mẫu số 21	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế giai đoạn năm		
Biểu mẫu số 22	Chi tiết chi hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án giai đoạn năm...		
Biểu mẫu số 23	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội giai đoạn năm....		
Biểu mẫu số 24	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng giai đoạn năm.....		

Biểu mẫu số 25	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội giai đoạn năm...		
5	Dự toán, phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp số liệu theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, báo cáo Sở Tài chính	

DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NSNN TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ GIAI ĐOẠN NĂM ...

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm N-1		Dự toán năm N	Dự toán năm N+1	Dự toán năm N+2	Dự toán năm N+...	Ghi chú
		Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5
A	DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP PHÍ, LỆ PHÍ							
I	Số thu lệ phí (chi tiết tên từng loại lệ phí)							
-	Lệ phí							
-	Lệ phí							
II	Số thu phí							
1	Tổng số thu phí (chi tiết tên từng loại phí)							
-	Phí							
-	Phí							
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi tiết tên từng loại phí của từng							
a	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề							
-	Phí							
-	Phí							
b	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể							
-	Phí							
-	Phí							
c	Chi....							
3	Số phí nộp ngân sách nhà nước (chi tiết tên từng loại phí)							
-	Phí							
-	Phí							
III	Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I+II.3)							

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày... tháng... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
 Chương:.....

Biểu số 13

BÁO CÁO BIÊN CHẾ - TIỀN LƯƠNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ GIAI ĐOẠN NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	LĨNH VỰC/TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán năm N-1 (năm hiện hành)					Ước thực hiện năm N-1 (năm hiện hành)					Dự toán năm N (năm kế hoạch)					Dự toán năm N+...					
		Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (Người)	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng số biên chế có mặt thời điểm 31/12 (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo biên chế có	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Trong đó:		
				Lương theo ngạch, bạc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương				Lương theo ngạch, bạc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương			Lương theo ngạch, bạc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương			Lương theo ngạch, bạc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương
A	B	1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12	13=14+15 +16	14	15	16	...				
	TỔNG SỐ																					
1	Đơn vị.....																					
2	Đơn vị.....																					
...																					

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ GIAI ĐOẠN NĂM

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
I	Các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp								
1	Giáo dục phổ thông (chi tiết: tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)								
1.1	Số trường	Trường							
	<i>(Chi tiết số trường theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
1.2	Số học sinh	Người							
a	Số học sinh ra trường	Người							
b	Số học sinh tuyển mới	Người							
c	Số học sinh có mặt tại thời điểm 31/5	Người							
d	Số học sinh bình quân (1)	Người							
	Trong đó - Số học sinh được miễn học phí	Người							
	- Số học sinh được giảm học phí	Người							
	- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Người							
	- Số học sinh được hỗ trợ ...	Người							
1.3	Tổng kinh phí NSNN cấp	Triệu đồng							
a	Kinh phí giao tự chủ								
	- Quỹ lương và các khoản có tính chất lương	Triệu đồng							
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý	Triệu đồng							
	- Chi....	Triệu đồng							
b	Kinh phí không giao tự chủ								
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>	Triệu đồng							
2	Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết sơ cấp, trung cấp, cao đẳng,...)								
	<i>Báo cáo theo các chỉ tiêu nêu tại điểm 1</i>								
3	Giáo dục đại học và sau đại học								
	<i>Báo cáo theo các chỉ tiêu nêu tại điểm 1</i>								
4								
II	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước								
1	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước								
2	Chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài								

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

...., ngày... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH GIAI ĐOẠN NĂM

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
I	Cơ sở khám, chữa bệnh								
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số giường bệnh								
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt								
II	Cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng								
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số giường bệnh								
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt								
III	Cơ sở y tế dự phòng								
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt								
IV	Đơn vị sự nghiệp y tế, chuyên ngành đặc thù								
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>								
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt								
V	Tổng kinh phí NSNN cấp								
1	Nhiệm vụ khám chữa bệnh								
a	Kinh phí giao tự chủ - Chi lương và các khoản có tính chất lương - Chi quản lý - Chi hoạt động chuyên môn - Chi...								
b	Kinh phí không giao tự chủ <i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>								
2	Nhiệm vụ phòng bệnh								
a	Kinh phí giao tự chủ - Chi lương và các khoản có tính chất lương - Chi quản lý - Chi hoạt động chuyên môn - Chi...								
b	Kinh phí không giao tự chủ <i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>								
3	Nhiệm vụ...								
a	...								

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

..., ngày... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

STT	Chương trình/Đề tài/Dự án/Nhiệm vụ KH&CN (Nêu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Kinh phí được phê duyệt			Kinh phí thực hiện															Ghi chú				
					Năm N-1 (năm hiện hành)			Lũy kế KP đã bố trí đến hết năm N-1 (năm hiện hành)			Dự toán bố trí năm N (năm kế hoạch)			Dự toán bố trí năm N+1			Dự toán bố trí năm N+2			Dự toán bố trí năm N+...							
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Dự toán	Ước thực hiện đến hết năm ... (năm hiện hành)	Kinh phí thực hiện từ nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN		Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác
						Nguồn NSNN	Nguồn khác																				
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+10	8	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17=18+19	18	19	20=21+22	21	22	
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																										
III	Nhiệm vụ cấp cơ sở																										
III.1	Nhiệm vụ chuyên tiếp																										
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																										
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																										
III.2	Nhiệm vụ mở mới																										
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																										
	Đề án/Dự án/Đề tài ... (Tên đề án, dự án, đề tài)																										
IV	Các hoạt động dịch vụ công/Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng/Hoạt động thường xuyên theo cơ chế khoán																										
	Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ)																										
	Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ)																										
V	Các nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền giao																										
	Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ)																										
	Nhiệm vụ .. (Tên nhiệm vụ)																										

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

...., ngày... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
 Chương:.....

Biểu số 17

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN GIAI ĐOẠN NĂM...

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
I	Quỹ lương								
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao								
2	Số người làm việc thực tế								
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế								
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên								
1	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trong lĩnh vực văn hóa thông tin (chi tiết theo từng nội dung)								
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách....								
a	Số lượng								
b	Định mức								
c	Kinh phí thực hiện								
1.2	Kinh phí thực hiện chính sách....								
a	Số lượng								
b	Định mức								
c	Kinh phí thực hiện								
1.3								
2	Các khoản chi thường xuyên khác (1)								
								
								
III	Các nhiệm vụ không thường xuyên (1)								
	<i>Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi</i>								
								
								

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
 Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN GIAI ĐOẠN NĂM...

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
A	Cơ sở tính								
I	Đối với khối đơn vị sản xuất								
1	Số lượng tin bài								
2	Số giờ phát sóng								
3	Số lượng xuất bản								
4	Các yếu tố khác (số lượng đơn vị truyền dẫn, số kênh...) (1)								
II	Đối với khối đơn vị giúp việc (không trực tiếp sản xuất)								
1	Định biên về nhân sự								
2	Hệ số điều chỉnh (nếu có)								
3	Các yếu tố khác (1)								
B	Tổng số kinh phí								
I	Kinh phí giao tự chủ								
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương								
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý								
3	Chi...								
								
II	Kinh phí không giao tự chủ (1)								
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi</i>								
								

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

..., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO GIAI ĐOẠN NĂM...

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự kiến năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
			Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	...	
I	Quỹ lương								
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao								
2	Số người làm việc thực tế								
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế								
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn								
1	Kinh phí tập huấn vận động viên								
1.1	Chi tiền ăn								
a	Huấn luyện viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
b	Vận động viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
1.2	Chi tiền công								
a	Huấn luyện viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
b	Vận động viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
1.3	Chi tiền thuê chuyên gia								
	Số lượng chuyên gia nước ngoài								
	Định mức chi/chuyên gia								
	Kinh phí chi tiền công cho chuyên gia								
2	Kinh phí đoàn tập huấn, tham dự các giải thi đấu thể thao ở nước ngoài								
2.1	Tên đoàn:.....								
	Số lượng người tham gia								
	Kinh phí thực hiện								
2.2								
3	Kinh phí mua trang thiết bị thường xuyên cho VĐV, HLV								
3.1	Trang thiết bị.....								
a	Huấn luyện viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
b	Vận động viên								
	- Số lượng								
	- Định mức chi								
	- Kinh phí								
3.2	Trang thiết bị.....								
								
4	Các khoản chi thường xuyên khác								
								
III	Các nhiệm vụ không thường xuyên								
	<i>Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi</i>								
								

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

...., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:

Chương: ...

Biểu số 20

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ.... đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Thực hiện các năm trước	Năm N-1 (năm hiện hành)		Lũy kế số bố trí đến hết năm N-1 (năm hiện hành)	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
						Dự toán	Ước thực hiện						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...	
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường												
1	Nhiệm vụ, dự án chuyên tiếp - Nhiệm vụ/dự án..... - Nhiệm vụ/dự án..... ...												
2	Dự án mở mới (1) - Nhiệm vụ/dự án..... - Nhiệm vụ/dự án..... ...												
II	Kinh phí hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm theo quyết định của cấp có thẩm quyền												
1	Dự án chuyên tiếp - Dự án.... - Dự án....												
2	Dự án mở mới (1) - Dự án.... - Dự án....												
III	Các hoạt động môi trường khác (1) - Nhiệm vụ..... - Nhiệm vụ.....												

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

..., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ SỞ TÍNH CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN NĂM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
		Dự toán	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	...	
	Tổng số							
1	Chi hoạt động nghiệp vụ (1)							
a	Sự nghiệp giao thông							
	- Chi hoạt động kinh tế đường bộ							
	- Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa							
	- Chi hoạt động kinh tế đường sắt							
	- Chi hoạt động kinh tế hàng không							
							
b	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp và phát triển nông thôn							
	- Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp							
	- Chi hoạt động kinh tế thủy lợi							
	- Chi hoạt động kinh tế thủy sản							
	- Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp							
							
c	Sự nghiệp tài nguyên							
							
							
d	Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia							
	Trong đó (ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)							
	- Mặt hàng.....							
	- Mặt hàng.....							
							
đ	Chi sự nghiệp kinh tế khác							
2	Chi điều tra cơ bản							
3	Chi quy hoạch							
4	Trợ giá giữ đàn giống gốc (1)							
5	Chi các hoạt động kinh tế khác (1)							

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

..., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...
Chương: ...

Biểu số 22

CHI TIẾT CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THEO CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN GIAI ĐOẠN NĂM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ... đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Lũy kế số bố trí đến hết năm N-1 (năm hiện hành)	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự kiến năm N+1	Dự kiến năm N+2	Dự kiến năm N+...	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	...	
I	Chi hoạt động điều tra cơ bản									
1	Dự án chuyên tiếp									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
									
2	Dự án mở mới (1)									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
									
II	Chi hoạt động quy hoạch									
1	Dự án chuyên tiếp									
	- Dự án									
	- Dự án									
									
2	Dự án mở mới									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
									
III	Các chương trình/dự án khác									
	- Dự án....									
	- Dự án....									
									

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

...., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC LĨNH VỰC BẢO ĐẢM XÃ HỘI GIAI ĐOẠN NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Năm N-1 (năm hiện hành)			Kế hoạch năm N (năm kế hoạch)			Kế hoạch năm N+1			Kế hoạch năm N+2			Kế hoạch năm N+...			Ghi chú
		Số đối tượng	Dự toán được giao	Ước thực hiện	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N+1	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N+2	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm N+...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	...			
	TỔNG SỐ (1+2+3+4+5+6)																
1	Chi điều trị (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																
	- Đối tượng																
	- Đối tượng																
2	Chi trợ cấp của đối tượng (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																
	- Đối tượng																
	- Đối tượng																
3	Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng (chi tiết từng chính sách, chế độ cụ thể theo quy định của pháp luật)																
	- Chính sách																
	- Chính sách																
4	Chi phục vụ đối tượng																
	- Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng, xăng dầu...																
	- Chi mua sắm TSCĐ, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn																
	Trong đó:																
	+ Mua ô tô																
	+ Mai táng phí																
5	Chi thăm hỏi, đón tiếp đối tượng, thân nhân người có công																
	- Nội dung																
	- Nội dung																
6	Chi cho công việc																
	- Nội dung																
	- Nội dung																

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

..., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG GIAI ĐOẠN NĂM.....

STT	Chỉ tiêu	ĐỐI TƯỢNG (người)		SỐ TIỀN (triệu đồng)					Ghi chú	
		Ước thực hiện năm N-1 (năm hiện hành)	Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Năm N-1 (năm hiện hành)		Dự toán năm N (năm kế hoạch)	Dự toán năm N+1	Dự toán năm N+2		Dự toán năm N+...
				Dự toán được giao	Ước thực hiện					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	...	
TỔNG SỐ										
I	TRỢ CẤP MỘT LẦN (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng									
2	Đối tượng									
...									
II	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng									
2	Đối tượng									
...									
III	BẢO HIỂM Y TẾ (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng									
2	Đối tượng									
...									
IV	CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI KHÁC (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)									
1	Đối tượng									
2	Đối tượng									
...									
V	CHI PHÍ QUẢN LÝ (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)									
1	Nội dung									
2	Nội dung									
...									
VI	CHI CHO CÁC CÔNG VIỆC (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)									
1	Nội dung									
2	Nội dung									
...									

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.
 Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

Biểu số 25

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI GIAI ĐOẠN NĂM...

STT	Nhóm đối tượng	Dự toán năm N-1 (năm hiện hành)				Dự toán năm N (năm kế hoạch)			Dự toán năm N+1			Dự toán năm N+2			Dự toán năm N+...			Ghi chú
		Số đối tượng	Hệ số	Dự toán được giao (triệu đồng)	Ước thực hiện (triệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (triệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (triệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (triệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (triệu đồng)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Trợ cấp và nuôi dưỡng hàng tháng tại cộng đồng																	
1	Trợ cấp xã hội (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																	
1.1	Đối tượng																	
1.2	Đối tượng																	
1.3																	
2	Hỗ trợ chi phí chăm sóc (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																	
2.1	Đối tượng																	
2.2	Đối tượng																	
2.3																	
3	Nuôi dưỡng trong cơ sở BHXH (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)																	
3.1	Đối tượng																	
3.2	Đối tượng																	
3.3																	
II	Kinh phí mua thẻ BHYT																	
III	Mai táng phí																	
A	TỔNG TRỢ CẤP THƯỜNG XUYÊN (I+II+III)																	
B	TRỢ CẤP ĐỘT XUẤT																	
	TỔNG CỘNG (A+B)																	

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1, N+2, N+... là năm trước, năm sau và các năm sau nữa của năm dự toán ngân sách. Dùng để lập báo cáo kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm và 05 năm

....., ngày... tháng... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)